

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3056/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt (bổ sung) kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cẩm Xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 220/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất; danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của UBND tỉnh về việc Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 các huyện, thành phố, thị xã; Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Cẩm Xuyên; Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện Cẩm Xuyên; Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cẩm Xuyên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại Tờ trình số 2467/TTr-UBND ngày 31/8/2020 về việc phê duyệt (bổ sung) kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cẩm Xuyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2924/TTr-STMMT ngày 04/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt (bổ sung) kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Cẩm Xuyên; với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2020:

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Lấy từ các loại đất (ha)				Địa điểm (thôn, xóm)	Vị trí trên B ĐỒ KHSD đất
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CHẤP THUẬN	8,14	2,01	6,13	6,01			0,12		
1.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2,52	0,76	1,76	1,76					
1.1.1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,69	0,28	1,41	1,41					
1	Mở rộng trường mầm non Lê Duẩn	0,59	0,28	0,31	0,31				Thôn Quốc Tiến, xã Cẩm Duệ	181
2	Trường tiểu học Cẩm Thịnh	1,10		1,10	1,10				Thôn Sơn Nam, xã Cẩm Thịnh	182
1.1.2	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,83	0,48	0,35	0,35					
1	Mở rộng sân vận động Trung tâm	0,83	0,48	0,35	0,35				Thôn Lai Lộc, xã Cẩm Thịnh	183
1.2	Đất ở tại nông thôn	0,07		0,07	0,07					
1	Đất ở thôn Tân Trung Thủy	0,07		0,07	0,07				Xã Cẩm Lộc	184
1.3	Đất ở tại đô thị	4,18		4,18	4,18					
1	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư tổ dân phố Trần Phú.	4,18		4,18	4,18				TDP Trần Phú, Yên Thọ, TT Thiên Cẩm	185
1.4	Đất tôn giáo	1,37	1,25	0,12				0,12		
1	Mở rộng khuôn viên Giáo xứ Ngô Xá	0,94	0,90	0,04				0,04	Thôn 6, xã Cẩm Quang	186
2	Mở rộng khuôn viên Giáo xứ Mỹ Hoà	0,43	0,35	0,08				0,08	Thôn Mỹ Hoà, xã Cẩm Hoà	187

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Lấy từ các loại đất (ha)				Địa điểm (thôn, xóm)	Vị trí trên B Đồ KHSD đất
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI (tự thỏa thuận bồi thường, nhận chuyển nhượng để chuyển mục đích, nhận góp vốn; thu hồi nhưng không phải xin chấp thuận của HĐND tỉnh)	11,45	1,95	9,50	0,68			8,82		
2.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,70		0,70				0,70		
1	Nước sạch vệ sinh môi trường	0,70		0,70				0,70	xã Cẩm Duệ	188
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	3,79	1,95	1,84	0,68			1,16		
2.2.1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	2,48	1,95	0,53				0,53		
1	Mở rộng trường THPT Cẩm Bình	2,48	1,95	0,53				0,53	Thôn Tân An, xã Cẩm Bình	189
2.2.2	Đất giao thông	1,00		1,00	0,50			0,50		
1	Xây dựng đường giao thông Cẩm Duệ - Cẩm Thạch	1,00		1,00	0,50			0,50	Cẩm Duệ, xã Cẩm Thạch	190
2.2.3	Đất công trình năng lượng	0,31		0,31	0,18			0,13		
1	Xây dựng DZ, TBA chống quá tải và giảm tổn thất điện năng lưới điện các xã thuộc huyện Cẩm Xuyên	0,05		0,05	0,02			0,03	Xã Cẩm Bình, Cẩm Thành, Cẩm Trung	191
2	Cải tạo ĐZ 971 TGCX lên vận hành cấp điện áp 22KV, huyện Cẩm Xuyên	0,08		0,08	0,06			0,02	Xã Nam Phúc Thăng, Cẩm Quan và TT Cẩm Xuyên	192

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Lấy từ các loại đất (ha)				Địa điểm (thôn, xóm)	Vị trí trên B Đồ KHSD đất
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
3	Cải tạo ĐZ 974 TGCX lên vận hành cấp điện áp 22KV, huyện Cẩm Xuyên	0,09		0,09	0,05			0,04	Xã Cẩm Hưng, Cẩm Hà, Cẩm Trung, Cẩm Lộc, Cẩm Thịnh	193
4	Cải tạo mạch vòng 35kV giữa TBA 110kV Kỳ Anh và TBA 110KV Cẩm Xuyên	0,09		0,09	0,05			0,04	Xã Cẩm Trung, Cẩm Thịnh, Cẩm Lạc, Cẩm Minh, Cẩm Lộc, Cẩm Sơn	194
2.3	Đất ở tại nông thôn	4,76		4,76				4,76		
1	Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở	4,20		4,20				4,20	Tại 21 xã	195
2	Đất ở thôn Đông Phong (đầu giá)	0,06		0,06				0,06	Xã Cẩm Lộc	196
3	Đất ở thôn Hòa Sơn	0,50		0,50				0,50	Xã Cẩm Thịnh	199
2.4	Đất ở tại đô thị	2,00		2,00				2,00		
1	Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở	2,00		2,00				2,00	Tại 2 thị trấn	200
2.5	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,20		0,20				0,20		
1	Xây dựng Nhà văn hoá xã	0,15		0,15				0,15	Thôn Phúc Sơn, xã Cẩm Sơn	201
2	Mở rộng nhà văn hóa	0,05		0,05				0,05	Thôn Phúc Hải, xã Cẩm Nhượng	202
20	Tổng (I+II)	19,59	3,96	15,63	6,69			8,94		

2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		63.646,70	63.646,70
1	Đất nông nghiệp	NNP	49.378,06	49.366,88
1.1	Đất trồng lúa	LUA	11.224,19	11.219,80
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	<i>10.876,69</i>	<i>10.872,30</i>
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	347,51	347,51
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.119,12	1.119,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.632,30	4.626,10
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	12.736,87	12.736,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	12.028,42	12.028,42
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	6.616,88	6.616,38
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	653,47	653,43
1.8	Đất làm muối	LMU	12,12	12,12
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	354,65	354,65
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.400,83	12.412,32
2.1	Đất quốc phòng	CQP	59,23	59,23
2.2	Đất an ninh	CAN	58,68	58,68
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	34,46	34,46
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	244,42	244,42
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	48,64	49,34
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	34,68	34,68
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.876,74	3.879,45
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,82	1,82
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,48	0,48
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32,85	32,85
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.738,11	1.742,77
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	468,46	471,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	59,13	59,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,83	0,83
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,55	16,67
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	697,32	697,32
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	30,41	30,41

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích đã được UBND tỉnh duyệt (ha)	Tổng diện tích sau khi điều chỉnh (ha)
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	40,08	40,28
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	20,73	20,73
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	42,76	42,76
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.144,59	1.144,59
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	3.735,94	3.735,94
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	13,94	13,94
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.867,81	1.867,50

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên có trách nhiệm:

- Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Cẩm Xuyên theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Xuyên và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TTr. Huyện ủy, HĐND H Cẩm Xuyên;
- Phó VP (phụ trách);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn